

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 21-3-2022.

“V/v: Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Bùi Thị Hà

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đổng – thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đ đã tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:312/2021/HNGĐ, ngày 20/10/2021, về việc: ***“Xin ly hôn”***. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:03/2022/QĐXX-ST, ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Huyền T, sinh năm 1992 – *có mặt*

Địa chỉ: thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đ

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân L, sinh năm 1995 – *vắng mặt*

Địa chỉ: tổ 1, thôn 15, xã E, huyện C, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn:** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa Chị Trần Thị Huyền T trình bày:

Tôi và Anh Lê Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện cũng như được sự đồng ý của hai bên gia đình, họ hàng và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Chúng tôi có đăng ký kết hôn vào ngày 10/08/2015 tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đ

Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân: Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc không có vấn đề gì. Tuy nhiên thời gian gần đây chúng tôi nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường bất đồng về quan điểm, lối sống, chồng tôi không lo làm ăn để lo cho gia đình vợ con. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thể khắc phục được những mâu thuẫn trong cuộc sống nên vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau và tôi đã về với bố mẹ đẻ ở huyện Ea H'leo sinh sống. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chúng tôi đã có với nhau 02 con chung, là Lê Trần Thảo N, sinh ngày 09/9/2015 và Lê Xuân Gia B, sinh ngày 29/4/2017. Hiện tại các con đều khỏe

mạnh, phát triển bình thường và đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, bởi vì anh L không có công ăn việc làm ổn định, hay rượu chè, cờ bạc không đủ khả năng để nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn:** Anh Lê Xuân L:

Kể từ khi thụ lý cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh Lĩnh, nhưng anh L vắng mặt không lên Tòa án để làm việc. Vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh L cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về thủ tục tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

- *Đối với Thẩm phán:* Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với HĐXX:* Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với đương sự:*

+ Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn: Không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Huyền T và Anh Lê Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân, anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài mà không có biện pháp hòa giải hay ý thức khắc phục. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Trần Thị Huyền T đối với Anh Lê Xuân L.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Trần Thảo N, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Lê Xuân Gia B, sinh ngày 29/4/2017. Hiện tại anh L không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập nên sau khi ly hôn cần giao các cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh và nguyện vọng của chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Anh Lê Xuân L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2]. *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về nội dung*: Căn cứ vào lời trình bày của chị Tvà các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Chị Trần Thị Huyền T và Anh Lê Xuân L là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào 10/08/2015 tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đ trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân; giữa chị và anh Lnảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nay chị Txác định không còn tình cảm vợ chồng, chị không còn thương yêu chồng nữa, mâu thuẫn giữa hai người là rất trầm trọng, kéo dài, không thể khắc phục và hàn gắn, dù có níu kéo cũng chỉ làm khổ nhau. Vì vậy chị Tr có nguyện vọng được ly hôn với anh L. Qua xác minh tại địa phương đã cung cấp, chị Tvà anh Llà vợ chồng có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên cuộc sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài, mặc dù gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện tại anh chị đã sống ly thân nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh L quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] *Tại phiên tòa*: Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy; mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là thực tế, rất trầm trọng và kéo dài. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương động viên, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không có ý thức để hàn gắn, khắc phục và duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L là phù hợp.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Trần Thảo N, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Lê Xuân Gia B, sinh ngày 29/4/2017. Hiện tại cả hai cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với mẹ. Về phía anh L hiện anh không có công ăn việc làm ổn định nên sau khi ly hôn cần giao các cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của chị T cũng như đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Tphải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* *Vì các lẽ trên*;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; b khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Trần Thị Huyền T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền T được ly hôn với Anh Lê Xuân L.

Về con chung: Giao cháu Lê Trần Thảo N, sinh ngày 09/9/2015 và cháu Lê Xuân Gia B, sinh ngày 29/4/2017 cho Chị Trần Thị Huyền T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Huyền T không yêu cầu Anh Lê Xuân L cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên bố mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Xuân L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

* **Về án phí:** Chị Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0001390, ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Cảnh